

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Đức

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Văn Tú

Bà Dương Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hà Thu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị K, sinh năm 1992. Số căn cước công dân: 020192005078, ngày cấp: 25/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lục Văn L, sinh năm 1987. Số căn cước công dân: 020087006318, ngày cấp: 25/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lục Văn L được tự do, tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn) ngày 24/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc

thời gian đầu và có 02 người con chung. Đến tháng 7/2017, sau khi đi ăn cưới về, anh L ghen tuông vô cớ chửi bới, tát chị 02 cái và không cho chị lên nhà. Chị bỏ đi làm công ty được 02 tháng, không dám về thăm con sợ bị anh L đánh. Sau đó chị gọi chính quyền thôn và 02 bên họ hàng đến hòa giải, vợ chồng quay về sống với nhau nhưng anh L không thay đổi, thường xuyên vô cớ đánh chị dù không có mâu thuẫn, nhưng vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng. Năm 2023, anh L xách nước sôi đổ không may đổ vào chân con gái nhưng không đưa con đi bệnh viện mà bỏ đi uống rượu, đến tối chị về nhà mới lấy thuốc về đắp cho cháu. Do anh L không quan tâm đến vợ và các con nên đến tháng 3/2023 chị bỏ đi làm công ty, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị Chu Thị K đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lục Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung là Lục Thị Bích C, sinh ngày 08/3/2012, hiện nay đang học lớp 8 Trường phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở H và Lục Yên N, sinh ngày 04/11/2013 hiện nay đang học lớp 7 Trường phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở H, cả hai cháu hiện ở bán trú tại trường. Khi ly hôn, chị Chu Thị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Lục Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lục Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lục Văn L và chị Chu Thị K được tự do, tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 24/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 02 người con chung, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau năm 2017 anh L có được tát chị K 2 cái, đến tháng 6/2024 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã, hai bên không thừa nhận, chị K tự bỏ đi công ty không nói với anh câu nào. Từ đó chị K không về nhà nữa, anh L vẫn khuyên chị K quay về nhưng chị K không chịu về. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng và vẫn có mong muốn hàn gắn nên chị Chu Thị K yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung là Lục Thị Bích C, sinh ngày 08/3/2012 và Lục Yên N, sinh ngày 04/11/2013. Khi ly hôn, anh Lục Văn L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Yêu cầu chị Chu Thị K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/01 cháu, tổng số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng/02 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai của con chưa thành niên trình bày: Cháu Lục Thị Bích C và cháu Lục Yên N là con chung của anh Lục Văn L và chị Chu Thị K. Trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải, các đương sự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung là không có nhưng không thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại công văn xác minh của Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Chu Thị K và anh Lục Văn L có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Chị Chu Thị K không thường xuyên sinh sống tại Thôn V, xã H, tỉnh Lạng Sơn và không ở cùng nhà với anh L khoảng 01 năm nay. Chị K đi lao động tại công ty trong nước. Khoảng năm 2017 hoặc 2018 có sự việc vợ chồng có mâu thuẫn, cán bộ thôn và họ hàng đến hòa giải. Còn lại, trong quá trình chung sống UBND xã không nhận được phản ánh về việc mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay chị Chu Thị K và anh Lục Văn L đã ly thân được khoảng 01 năm từ 2024 đến nay.

Hiện nay anh Lục Văn L sống riêng 01 mình tại Thôn V, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập khoảng 1.500.000 đồng/ tháng. Có tài sản riêng là 01 ngôi nhà xây cấp 4 khoảng 70m², 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, 01 tủ lạnh.

Chị Chu Thị K và anh Lục Văn L có 02 người con chung, hiện nay đang do chị Chu Thị K nuôi dưỡng (đang trọ học trường THCS tại thôn Nà Ven, xã H, tỉnh Lạng Sơn). UBND xã không nhận được phản ánh tiêu cực về việc nuôi con của anh L và chị K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn có mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân & gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị K, xử cho chị Chu Thị K được ly hôn với anh Lục Văn L. Về con chung: Giao 02 người con chung cho chị Chu Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lục Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Chu Thị K được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Chu Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lục Văn L có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần 1 và đã có văn bản trình bày quan điểm trong hồ sơ vụ án. Tòa án đã hoãn phiên tòa do vắng mặt bị đơn và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định. Do đó, việc xét xử vắng bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị K và anh Lục Văn L được tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh Lục Văn L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chưa trầm trọng nhưng cũng đã thừa nhận năm 2017 có được tất cả chị K 2 cái và trong cuộc sống có xảy ra cãi nhau, kết quả xác minh tại địa phương cho thấy năm 2017 có sự việc vợ chồng mâu thuẫn có cán bộ thôn và hai bên họ hàng đến hòa giải, hiện tại chị Chu Thị K và anh Lục Văn L đã sống ly thân nhau từ năm 2024 đến nay. Như vậy, hôn nhân giữa chị Chu Thị K và anh Lục Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Chu Thị K được ly hôn với anh Lục Văn L.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung là Lục Thị Bích C, sinh ngày 08/3/2012 và Lục Yến N, sinh ngày 04/11/2013. Cả hai bên đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, mặc dù chị Chu Thị K đang đi làm xa nhưng có điều kiện kinh tế ổn định, lương tháng từ 10.000.000 đồng - 12.000.000 đồng. Hàng tháng chị Chu Thị K vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng, thường xuyên gửi tiền để đảm bảo chi phí ăn ở, học tập và sinh hoạt của các con. Qua xác minh tại UBND xã cho thấy anh Lục Văn L làm ruộng, sống một mình, thu nhập khoảng 1.500.000 đồng/ tháng, mức thu nhập này thấp so với nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con. Con chung hiện nay đang do chị Chu Thị K nuôi dưỡng, do đó thể hiện việc đi làm xa không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, hai cháu đều trình bày nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống cho các cháu. Do đó, cần xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị K được nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu anh Lục Văn L cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Chu Thị K là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị Chu Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị K được ly hôn với anh Lục Văn L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lục Thị Bích C, sinh ngày 08/3/2012 và Lục Yến N, sinh ngày 04/11/2013 cho chị Chu Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lục Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Chu Thị K được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã H, T. Lạng Sơn;
- (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức